

NGHIÊN CỨU ĐỊA CHẤT - KHOÁNG SẢN PHỤC VỤ 3 CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ

HOÀNG SAO

Tác giả đóng góp 1 số ý kiến về nội dung nghiên cứu và đối tượng cần tập trung của công tác nghiên cứu đánh giá địa chất khoáng sản nước ta từ nay đến năm 2000.

Việc phân loại đánh giá một cách chính xác các tài nguyên khoáng sản theo các chỉ tiêu trữ lượng, chất lượng, qui mô và điều kiện khai thác... sẽ góp phần nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.

VIỆC nghiên cứu, đánh giá tài nguyên khoáng sản của đất nước ta, phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn được đại hội Đảng lần thứ 6 đề ra là một vấn đề lớn, phức tạp, đòi hỏi sự đầu tư nhiều mặt về lý luận cũng như thực tiễn của các cơ quan làm công tác nghiên cứu, điều tra, đánh giá khoáng sản.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất đề vạch định phương hướng nghiên cứu khoa học - kỹ thuật; phương hướng tìm kiếm - thăm dò khoáng sản phục vụ ba chương trình kinh tế là việc tổng hợp, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, khoa học những kết quả đã làm được của ngành địa chất nước ta trong hơn 30 năm qua.

Trên toàn lãnh thổ của đất nước cho đến nay đã được điều tra, đánh giá về cơ bản ở bản đồ tỉ lệ nhỏ và trung bình. Bản đồ địa chất tỉ lệ 1:200.000 đã phủ hầu hết diện tích lãnh thổ. Những khu vực có tiềm năng khoáng sản quan trọng đã đo vẽ địa chất và tìm kiếm khoáng sản tỉ lệ 1:500.000. Đã nghiên cứu, tổng hợp về địa chất, địa vật lý và sinh khoáng, xác định qui luật phân bố địa chất và khoáng sản theo không gian và thời gian. Đã tìm kiếm - thăm dò những khoáng sản, phát hiện được từ trước đến nay. Về cơ bản những khoáng sản lộ trên mặt đất có thể nhìn thấy được bằng mắt thường đã được nghiên cứu, đánh giá, tiềm

năng dầu - khí trong đất liền cũng như ở phần lãnh thổ của TĐ quốc đã được xác định, một số vùng cụ thể đã đánh giá chi tiết và bắt đầu khai thác dầu - khí. Địa chất thủy văn - địa chất công trình cũng được nghiên cứu về cơ bản tỉ lệ tương ứng với đo vẽ địa chất, ở những địa điểm kinh tế quan trọng, ở các thành phố, khu công nghiệp, công trình lớn đã xác định chi tiết về đặc điểm địa chất thủy văn - địa chất công trình. Như vậy, cho đến nay những vấn đề cơ bản nhất về kiến tạo, cổ sinh - địa tầng, magma, địa mạo - trầm tích đệ tứ, địa chất thủy văn - địa chất công trình v.v... của lãnh thổ nước ta đã được nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện ở tỉ lệ nhỏ và trung bình.

Song bên cạnh những thành quả đã đạt được của ngành địa chất trong 30 năm qua, chúng tôi nhận thấy còn những tồn tại sau đây:

1. Chúng ta đã đầu tư kinh phí rất lớn cho công tác tìm kiếm - thăm dò hầu hết các khoáng sản đã biết, nhiều mỏ đã được thăm dò tỉ mỉ nhưng cho đến nay vẫn không đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Khi tiến hành tìm kiếm - thăm dò ở một mỏ nào đó, chưa chú ý đánh giá toàn diện các thành phần có ích đi kèm, điều kiện khai thác chế biến, sử dụng. Ở một số đối tượng, công tác nghiên cứu và đánh giá trùng lặp nhiều lần gây lãng phí sức người, tiền của to lớn

3. Việc nghiên cứu địa chất và khoáng sản (trữ dầu - khí) ở phần lãnh hải của Tổ quốc và nghiên cứu xác định khoáng sản ăn chưa được quan tâm và xác định cụ thể.

4. Chưa đặc biệt chú trọng áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nghiên cứu và sản xuất. Các phòng thí nghiệm được trang bị những máy móc hiện đại chưa phát huy thế mạnh của mình để phục vụ cho công tác nghiên cứu địa chất và khoáng sản.

5. Công tác tổng hợp và đánh giá những công trình nghiên cứu để phục vụ cho công tác tìm kiếm - thăm dò khoáng sản cho các liên đoàn địa chất khu vực ít được quan tâm. Nhiều công trình của các viện nghiên cứu địa chất và khoáng sản chưa được sử dụng thiết thực cho sản xuất.

6. Viện đánh giá địa chất - kinh tế khoáng sản theo tính cân đối trong hệ thống "tiềm năng tài nguyên khoáng sản - khả năng khai thác, chế biến - nhu cầu sử dụng" chưa được thực hiện, vì vậy không đủ cơ sở cần thiết để vạch định các kế hoạch nghiên cứu, tìm kiếm - thăm dò dài hạn.

Để công tác nghiên cứu, đánh giá địa chất - khoáng sản được tập trung, theo chúng tôi phương hướng và đối tượng cơ bản trước mắt đến năm 2000 là:

1. Tổng hợp, đánh giá toàn bộ khoáng sản nước ta bằng cách phân loại khoáng sản theo qui mô trữ lượng, đánh giá chất lượng, khả năng khai thác, khả năng chế biến và nhu cầu sử dụng trong nước và các nước khác theo tính cân đối trong hệ thống "tiềm năng tài nguyên khoáng sản - khả năng khai thác, chế biến - nhu cầu tiêu thụ" cho từng loại hoặc nhóm khoáng sản có cùng một mục tiêu sử dụng. Trên cơ sở đó mà tiến hành những công việc bổ sung, hoàn chỉnh trong các khâu từ nghiên cứu, tìm kiếm - thăm dò, công nghệ tuyển quặng, công nghệ chế biến sản phẩm đến việc xác lập nhu cầu tiêu thụ và kế hoạch khai thác khoáng sản.

2. Nghiên cứu sinh khoáng và thành lập bản đồ sinh khoáng tỉ lệ trung bình và lớn ở những cấu trúc địa chất có tiềm năng khoáng sản quan trọng nhằm phát hiện hết các khoáng sản lộ trên mặt đất và xác định triển vọng các khoáng sản ẩn sâu trong đất.

3. Nghiên cứu địa chất và khoáng sản toàn diện ở phần lãnh hải của Tổ quốc.

Với nội dung nghiên cứu và đánh giá khoáng sản trên, cần tập trung sức người và kinh phí theo mức độ ưu tiên khác nhau. Theo những số liệu hiện nay, dựa vào sự phân bố khoáng sản qui mô trữ lượng, chất lượng, đặc điểm khai thác, qui trình kỹ thuật chế biến, có thể chia khoáng sản ở nước ta thành 3 nhóm sau:

Nhóm I do Nhà nước, trung ương quản lý, là nhóm khoáng sản phân bố hạn chế, số mỏ thăm dò và khai thác tập trung cao tại một vùng nhất định, không phân bố rộng trong cả nước giá trị nguyên liệu cao, điều kiện khai thác chế biến có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, hiện đại (bảng 1). Trang 42.

Nhóm II do địa phương (tỉnh, huyện) quản lý là nhóm khoáng sản phân bố rộng, đa phần các tỉnh đều có, qui mô trữ lượng thuộc loại nhỏ, có nhu cầu sử dụng rộng rãi, điều kiện khai thác, chế biến đơn giản (bảng 2) Trang 42.

Nhóm III do tư nhân hoặc tập thể quản lý là nhóm khoáng sản có qui mô trữ lượng rất nhỏ, phổ biến rộng khắp trong cả nước, khả năng khai thác, chế biến đơn giản và có yêu cầu rộng rãi và riêng cho từng địa phương.

Ba nhóm khoáng sản trên do Nhà nước, Trung ương, địa phương hoặc tư nhân quản lý, có thể vận dụng thế mạnh tổng hợp của toàn xã hội, căn cứ vào nhu cầu tiêu dùng trong nước và thị trường thế giới mà sản xuất các mặt hàng sản phẩm phong phú, đa dạng

Thí dụ, để sản xuất phân khoáng phục vụ nông nghiệp ở nước ta, không phải chỉ dựa chủ yếu vào apatit ở Hoàng Liên Sơn (thuộc nhóm khoáng sản I) mà còn dựa vào photforit, than bùn, secpentin, bentorit, diatomit (sản xuất phân bón tổng hợp và cải tạo đất trồng, molipdenit, sphalerit, mangan... (sản xuất phân vi lượng) thuộc nhóm khoáng sản II và III, để có thể tạo ra nguồn phân bón dồi dào, thỏa mãn nhu cầu phân bón ngày càng cao của các loại cây trồng khác nhau.

Việc sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng của đất nước phục vụ ba chương trình kinh tế lớn cần có cách nhìn ở góc độ kinh tế-xã hội chung của đất nước. Những ý kiến của chúng tôi ở đây là những suy nghĩ bước đầu chỉ mới ở góc độ đánh giá tài nguyên khoáng sản, nhằm góp phần mình vào việc thực hiện nhiệm vụ mà Đại hội Đảng lần thứ 6 đề ra.

TT	Nhóm	Loại khoáng sản	Vị trí phân bố
1 2	Nhiên liệu	Than đá Dầu khí	Quảng Ninh Lãnh hải Nam Việt Nam
3 4 5 6 7 8 9 10 11	Kim loại	Vàng Thiếc Bô-xít Cromit Đất hiếm Phóng xạ Đồng Sắt Antimon	Quảng Nam - Đà Nẵng, Lạng Sơn Thanh Hóa, Hà Sơn Bình, Vĩnh Phú Cao Bằng, Tam Đảo - Núi Pháo, Quỳ Hợp, Tây Nguyên Thanh Hóa Lai Châu Hoàng Liên Sơn Hoàng Liên Sơn, Hà Tuyên, Bắc Thái, Nghệ Tĩnh, Hà Tuyên
12 13 14	Không Kim loại	Apatit Pirit Graphit	Hoàng Liên Sơn Vĩnh Phú Hoàng Liên Sơn, Nghĩa Bình.

TT	Nhóm	Loại khoáng sản	Vị trí phân bố
1	2	3	4
1 2	Nhiên liệu	Than đá Than bùn	Đa phần các tỉnh trừ Quảng Ninh Các tỉnh
3 4 5 6 7 8 9 10 11	Kim loại	Vàng Titan Mangan Đồng-Niken Chì - Kẽm antimon Molipden Bô-xít Thủy ngân	Các tỉnh trừ các mỏ có trữ lượng lớn do Nhà nước quản lý Các tỉnh ven biển, Bắc Thái Cao Lạng Nghệ Tĩnh Sơn La, Quảng Nam - Đà Nẵng Bắc Thái, Cao Lạng, Nghệ Tĩnh Sơn La, Hà Sơn Bình, Thanh Hóa Hoàng Liên Sơn, Phú Khánh, Thuận Hải, Gia Lai - Komtum, Lâm Đồng, An Giang. Hà Tuyên, Cao Lạng, Sơn La, Hải Hung, Nghệ Tĩnh, Nghĩa Bình. Bắc Thái

1	2	3	4
12		Sắt	Các tỉnh trừ các mỏ lớn do Nhà nước quản lý.
13		Cao Lin	— Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú, Hà Nội, Hà Bắc, Hà Sơn Bình, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Quảng Nam-Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Lâm Đồng, Gia lai — Kom tum, An Giang.
14		Sét	— Tất cả các tỉnh
15		Cát thủy tinh	— Quảng Ninh, các tỉnh ven biển miền Trung
16	Không	Dolomit	— Bắc Thái, Vĩnh Phú, Hoàng Liên Sơn, Thanh Hóa.
17	Kim loại	Pirit	— Hoàng Liên Sơn, Cao Lạng, Bắc Thái, Lai Châu, Sơn La, Hà Tuyên, Hà Nội, Vĩnh Phú, Hà Sơn Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Quảng Nam — Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh.
18		Barit	— Cao Lạng, Hà Tuyên, Bắc Thái, Hà Bắc, Hoàng Liên Sơn, Quảng Ninh, Hà Nam Ninh, Lai Châu, Hà Sơn Bình, Thanh Hóa.
19		Phốtphorit	— Hà Tuyên, Cao Lạng, Bắc Thái, Vĩnh Phú, Hà Sơn Bình, Hà Nam Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hậu Giang.
20		Atbet	— Cao Lạng, Vĩnh Phú, Hà Sơn Bình, Hà Nội
21		Mica	— Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Quảng Nam — Đà Nẵng, Gia lai — Komtum.
22		Talc	— Vĩnh Phú, Hà Sơn Bình, Sơn La
23		Graphit	— Hoàng Liên Sơn, Thanh Hóa, Quảng Nam — Đà Nẵng, Nghĩa Bình
24		Bentonit	— Thanh Hóa, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Thuận Hải.
25		Diatomit	— Bình Trị Thiên, Phú Khánh, Gia Lai — Kontum.
26		Nước khoáng	— Hà Tuyên, Sơn La, Lai Châu, Hoàng Liên Sơn, Hà Sơn Bình, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nam Ninh, Hà Nội, Hải Hưng, Phú Khánh, Thuận Hải, Gia lai — Kom tum Lâm Đồng.

Biên tập: Đỗ Thanh Thủy